

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 303/2025/DS-ST
Ngày: 13-11-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Túy Phương
2. Bà Lê Thị Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 511/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 286/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N; địa chỉ: Số A T, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Tuyết T, sinh năm 1996; địa chỉ: Số A L, Khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền ngày 07/10/2025). Vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1989; địa chỉ: Số H, đường N, Tổ C, khu phố L, huyện B, tỉnh Bình Thuận (nay là khu phố L, xã L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết T trình bày:

Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh T1 thực hiện giao dịch tín dụng cho theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng với bà Nguyễn Thị B với các nội dung sau:

Số thẻ tín dụng: 4129 75 XX XXXX 1424 ngày 18/5/2021;

Loại thẻ: VISA;

Hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng;

Hiệu lực thẻ: 60 tháng

Lãi suất cho vay: Thay đổi theo thông báo của Ngân hàng G trong sao kê; phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu 3% giá trị thanh toán tối thiểu chưa thanh toán, tối thiểu là 100.000 đồng (trong đó giá trị thanh toán tối thiểu = [(số dư nợ cuối kỳ sao kê ngoài trả góp x 10%) + số tiền thanh toán tối thiểu của các kỳ sao kê trước khi trả + số tiền sử dụng vượt hạn mức tín dụng trong kỳ sao kê (nếu có) + các khoản trả góp định kỳ (nếu có)]);

Phí rút tiền mặt: 3,64% số tiền giao dịch (tối thiểu 45.454 VNĐ/giao dịch) chưa bao gồm VAT;

Phí vượt hạn mức:

+ Vượt quá hạn mức từ 01 đến 05 ngày: 8%/năm (số tiền vượt hạn mức)

+ Từ 06 đến 15 ngày: 10%/năm (số tiền vượt hạn mức).

+ Từ ngày thứ 16 trở đi: 15%/năm (số tiền vượt hạn mức).

Biện phát bảo đảm: Không có tài sản bảo đảm

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP N số tiền tính đến ngày 13/11/2025 là 23.065.415 đồng (trong đó nợ gốc 15.753.306 đồng; lãi quá hạn 5.224.321 đồng; lãi chậm trả: 2.087.788 đồng).

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là: Giấy đăng ký doanh nghiệp; giấy ủy quyền; Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kèm hợp đồng ngày 18/5/2021; giấy chứng minh nhân dân; thông báo về việc thay đổi địa chỉ; giấy đăng ký hoạt động chi nhánh; xác nhận dư nợ thẻ; bản sao kê tài khoản; Điều lệ...

- Bị đơn bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 208; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bà B không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh T1; địa chỉ: Số A L, Khu phố B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giao dịch tín dụng cho vay theo đề nghị phát hành thẻ tín dụng với bà Nguyễn Thị B. Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo lựa chọn của nguyên đơn là Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi hợp đồng được thực hiện để giải quyết vụ án. Xét, đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án thông báo và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 177; Điều 220; Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Ngày 18/5/2021 bà Nguyễn Thị B ký đề nghị Ngân hàng TMCP N phát hành thẻ tín dụng quốc tế V1 kèm hợp đồng dành cho khách hàng cá nhân số thẻ: 4129 75XX XXXX 1424; số tài khoản V0460003185; hạn mức thẻ tín dụng đề nghị: 30.000.000 đồng; hình thức phát hành thẻ là không có bảo đảm. Quá trình sử dụng thẻ bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP N nên Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 13/11/2025 là 23.065.415 đồng (trong đó nợ gốc 15.753.306 đồng; lãi quá hạn 5.224.321 đồng; lãi chậm trả: 2.087.788 đồng).

Xét văn bản đề nghị kèm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế V1 kèm hợp đồng dành cho khách hàng cá nhân ngày 18/5/2021 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP N với bà Nguyễn Thị B đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn. Do bà B vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu bà B phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 13/11/2025 là 23.065.415 đồng (trong đó nợ gốc

15.753.306 đồng; lãi quá hạn 5.224.321 đồng; lãi chậm trả: 2.087.788 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 14/11/2025 cho đến khi bà B trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong văn bản đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế V1 kiêm hợp đồng dành cho khách hàng cá nhân ngày 18/5/2021.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N đối với bà Nguyễn Thị B.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Khoản 1 Điều 6, khoản 2 và khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị B về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N đến ngày 13/11/2025 là 23.065.415 đồng (trong đó nợ gốc 15.753.306 đồng; lãi quá hạn 5.224.321 đồng; lãi chậm trả: 2.087.788 đồng).

Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 14/11/2025 cho đến khi bà Nguyễn Thị B thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong văn bản đề nghị kiêm hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế V1 kiêm hợp đồng dành cho khách hàng cá nhân ngày 18/5/2021.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 1.154.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 552.941 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022196 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bạch Tuyết